TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2022/HS-PT
Ngày 04 tháng 4 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba

Ông Phạm Văn Công

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Phú Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2020/TLPT-HS ngày 15 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo Trần Thanh D, Đỗ Lý D1, Nguyễn Hữu D2; Do có kháng cáo của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2019/HSST ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Bị cáo:*

1/. **Trần Thanh D**, sinh năm 1962 tại tỉnh Cà Mau; Nơi đăng ký HKTT: số đường Ng, khóm 7, Phường 8, thành phố C1, tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp N, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn CV, nay là Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu CV; Con ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Ng; Vợ: Lâm Lệ Th và có 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt tạm giam 29/10/2015 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh D: Luật sư Huỳnh Hồ Minh H, Luật sư Phương Văn Th, Luật sư Trần Chí K. (có mặt)

Luật sư Nguyễn Thanh N, Trần Văn Ch. (vắng mặt)

2/. **Đỗ Lý D1**, sinh năm 1967 tại Cà Mau; Nơi cư trú: đường L, Khóm 9, Phường 6, thành phố C1, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn

giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Xây dựng; Con ông Đỗ Văn B và bà Đoàn Thị Th; Vợ: Hà Yến Tr và có 01 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Lý D1: Luật sư Ngô Đình Ch – Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. (có mặt)

3/. **Nguyễn Hữu D2**, sinh năm 1985 tại tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp X, xã P, huyện P1, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm vuông; Con ông Nguyễn Đức M và bà Phạm Kim L; Vợ: Lưu Hồng Th và có 01 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu D2: Luật sư Nguyễn Văn Tr– Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị hại:* Ngân hàng thương mại cổ phần B tỉnh Cà Mau (gọi tắt là: B Cà Mau). Địa chỉ: đường L1, Phường 2, thành phố C1, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Bá S - Chuyên viên Trung tâm xử lý nợ tại B và ông Tô Thanh L - Phó Trưởng phòng Quản lý rủi ro của B Cà Mau, đại diện theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 1437/QĐ - B.CM ngày 28/11/2019. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ngân hàng V - Chi nhánh ngân hàng V khu vực M (gọi tắt là Ngân hàng V M). Địa chỉ: đường A, Phường 7, thành phố C1, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Minh Q - Phó Trưởng Văn phòng đại diện V tại Thành phố Hồ Chí Minh và ông Lê Quốc N - Trưởng Phòng tín dụng đầu tư của V M, đại diện theo Giấy ủy quyền số 470/GUQ.NHPT - PC ngày 21/3/2019 và Giấy ủy quyền số 81/GUQ - NHPT.MHA ngày 10/7/2019. (có mặt ông Lê Quốc N)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng V M: Luật sư Đặng Hoài V. (có mặt)

2/. Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu CV. Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Minh Nh. (vắng mặt)

2/. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Nhà công vụ Ngân hàng V, thuộc xã L3, thành phố C1, tỉnh Cà Mau. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3/. Ông Dương Thanh H, sinh năm 1978. Nơi cư trú: đường Ng1, Khóm 2, Phường 9, thành phố C1, tỉnh Cà Mau. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

4/. Ông Phạm Hồng Kh, sinh năm 1975. Nơi cư trú: đường Ph, Khóm 5, Phường 7, thành phố C1, tỉnh Cà Mau. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

5/. Bà Lý Ngọc Th1, sinh năm 1984. Nơi cư trú: đường Ph, Khóm 5, Phường 7, thành phố C1, tỉnh Cà Mau. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

6/. Bà Lữ Ngọc Tr, sinh năm 1984. Nơi cư trú: đường H, Khóm 8, Phường 7, thành phố C1, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

7/. Ông Tiêu Văn Đ, sinh năm 1965. Nơi cư trú: đường Ng, khóm 6, Phường 9, thành phố C1, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

8/. Bà Lâm Lệ Th, sinh năm 1971. Nơi cư trú: đường L3, Khóm 2, Phường 1, thành phố C1, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lâm Lệ Th: Luật sư Đào Kim L. (có mặt)

9/. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1955. Nơi cư trú: đường Tr, Khóm 1, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

10/. Bà Huỳnh Thị U, sinh năm 1937. Nơi cư trú: đường L3, Khóm 2, Phường 1, thành phố C1, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

11/. Bà Lư Tuyết Ph, sinh năm 1956. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

12/. Ông Trần B, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: đường L, Phường 2, thành phố C1, tỉnh Cà Mau.

13/. Ông Trịnh Tuấn M - Nguyên Giám đốc Ngân hàng V khu vực M. Nơi cư trú: đường Tr, Khóm 2, Phường 5, thành phố C1, tỉnh Cà Mau. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

14/. Ông Tô Thanh Lê Nh - Nguyên Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: đường L, Phường 8, thành phố C1, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn CV (gọi tắt là Công ty CV), do Trần Thanh D làm giám đốc, được thành lập vào ngày 25/5/2006, trụ sở tại đường Ph, Khóm 3, Phường 6, thành phố C1. Năm 2008, Công ty CV chuyển trụ sở về địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau. Công ty CV gồm hai thành viên: Trần Thanh D làm giám đốc - Chủ tịch Hội đồng thành viên; Lâm Lệ Th là thành viên.

Năm 2010, công ty CV hoạt động kinh doanh thua lỗ, không có tiền để trả nợ và duy trì hoạt động nên D liên hệ Ngân hàng V M để làm thủ tục đề nghị được bảo lãnh cho công ty CV vay tiền của các ngân hàng thương mại thì được V M hướng dẫn phải có dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh (thể hiện qua các Hợp đồng kinh tế) có khả thi mới đủ điều kiện bảo lãnh.

Do công ty CV không có dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh nên Trần Thanh D liên hệ với Tiêu Văn Đ - Chủ Doanh nghiệp tư nhân KL, trụ sở tại Khóm 9, Phường 6, thành phố C1, tỉnh Cà Mau, nhờ ký khống hợp đồng kinh tế để được bảo lãnh vay tiền ngân hàng thì Tiêu Văn Đ đồng ý. Trần Thanh D chỉ

đạo Đỗ Lý D1 soạn thảo hợp đồng kinh tế số 10/2010/HĐ ngày 15/11/2010, nội dung thể hiện Doanh nghiệp tư nhân KL thuê công ty CV thực hiện san lấp 210.600m^3 cát đen tại tỉnh Tiền Giang, giá trị hợp đồng 16.253.712.000 đồng và Đ đã ký vào hợp đồng nhằm hợp thức hóa hồ sơ gửi đến V M nhưng hợp đồng kinh tế số 10/2010/HĐ ngày 15/11/2010 không đảm bảo nội dung nên V M không chấp thuận bảo lãnh.

Trần Thanh D tiếp tục chỉ đạo D1 lập lại hợp đồng kinh tế số 10/2010/HĐ ngày 30/10/2010, nội dung thể hiện Doanh nghiệp tư nhân KL thuê Công ty CV san lấp 200.000m^3 cát đen cho công trình tại tỉnh Tiền Giang, thời gian thực hiện 11 tháng, giá trị hợp đồng 15.000.000.000 đồng, rồi liên hệ với Tiêu Văn Đ ký đại diện bên Doanh nghiệp tư nhân KL. Thời điểm này, Đ không có ở Cà Mau nên không ký hợp đồng kinh tế số 10/2010/HĐ ngày 30/10/2010, mà do người khác giả mạo chữ ký Tiêu Văn Đ ký tên trên hợp đồng (hiện chưa xác định được người giả chữ ký Đ). Sau đó, D1 sử dụng dấu tròn của Doanh nghiệp tư nhân KL và dấu tên "Tiêu Văn Đ" đóng vào hợp đồng kinh tế số 10/2010/HĐ ngày 30/10/2010 (thời gian này D1 được Đ giao quản lý dấu tròn của Doanh nghiệp tư nhân KL và dấu tên "Tiêu Văn Đ" vì Doanh nghiệp tư nhân KL thuê D1 báo cáo thuế hàng tháng).

Ngày 02/11/2010, Trần Thanh D có giấy đề nghị bảo lãnh vay vốn thực hiện phương án sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng thực hiện hợp đồng kinh tế số 10/2010/HĐ ngày 30/10/2010; Báo cáo tài chính năm 2008, năm 2009; Báo cáo thông tin của doanh nghiệp đến thời điểm bảo lãnh (các báo cáo này nâng mức lợi nhuận không đúng thực tế tình hình kết quả hoạt động của Công ty CV. Cụ thể: Báo cáo tài chính công ty CV gửi V M năm 2008 lãi 83.851.554 đồng, năm 2009 lãi 470.972.155 đồng; Báo cáo thông tin của doanh nghiệp đến thời điểm bảo lãnh lãi 899.000.000 đồng. Trong khi đó, báo cáo gửi cho cơ quan thuế năm 2008 lãi 60.284.287 đồng, năm 2009 lãi 74.109.932 đồng, năm 2010 lỗ 1.716.339.886 đồng) và hồ sơ pháp lý của Công ty CV, kèm theo hợp đồng kinh tế số 10/2010/HĐ ngày 30/10/2010 gửi V M đề nghị được bảo lãnh vay 9.000.000.000 đồng tại các ngân hàng thương mại.

Hồ sơ của công ty CV được ông Nguyễn Văn C (Trưởng phòng tín dụng đầu tư của V M) tiếp nhận và phân công ông Dương Thanh H là cán bộ Phòng tín dụng đầu tư thẩm định.

Qua việc kiểm tra hồ sơ về điều kiện bảo lãnh và kiểm tra thực tế tại trụ sở của công ty CV, ngày 11/11/2010 ông H lập báo cáo số 1 69^B/NHPT.MHA-TDĐT về kết quả thẩm định tổng hợp của Chi nhánh, trình ông C xem xét ký nháy và trình ông Trịnh Tuấn M là Giám đốc V M, ký gửi về Tổng Giám đốc Ngân hàng V.

Trên cơ sở kết quả thẩm định, Phòng tín dụng đầu tư đề xuất ông Trịnh Tuấn M ký thông báo số: 960^B/NHPT.MHA-BL ngày 11/11/2010 và Thông báo số: 1043^B/NHPT.MHA-BL ngày 09/12/2010 về việc chấp thuận bảo lãnh cho công ty CV vay vốn.

Ngày 13/12/2010, D có giấy đề nghị vay vốn; Phương án kinh doanh; Hồ sơ pháp lý của Công ty CV; Thông báo chấp thuận bảo lãnh của V M, D gửi Ngân hàng B Cà Mau đề nghị vay vốn mua vật liệu xây dựng, hồ sơ do bà Lý Ngọc Th1 là cán bộ và ông Phạm Hồng Kh là Phó Phòng quan hệ khách hàng được phân công thẩm định.

Ngày 14/12/2010, bà Th1 báo cáo đề xuất cấp tín dụng với nội dung: "Công ty trách nhiệm hữu hạn CV được đánh giá là khách hàng có độ rủi ro thấp và phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả"; ông Kh ký kiểm soát và chuyển cho bà Trịnh Thị Hồng V là Trưởng phòng quan hệ khách hàng, thừa ủy quyền của Giám đốc ký duyệt với nội dung: "Đồng ý cấp tín dụng 9.000.000.000 đồng cho Công ty CV vay để thực hiện Hợp đồng kinh tế số: 10/2010/HĐ ngày 30/10/2010".

Ngày 16/12/2010, Trần Thanh D ký Hợp đồng tín dụng số 44/2010/HĐ vay của B Cà Mau số tiền 9.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 17,5%/ năm, mục đích vay là để công ty CV thực hiện Hợp đồng kinh tế số 10/2010/HĐ ngày 30/10/2010 với Doanh nghiệp tư nhân KL về việc san lấp 200.000m^3 cát tại tỉnh Tiền Giang và thông báo cho V M biết.

Ngày 22/12/2010, ông Trịnh Tuấn M ký chứng thư bảo lãnh số: 1091/NHPT MHA-CTBL về việc bảo lãnh cho công ty CV vay số tiền 9.000.000.000 đồng thực hiện phương án sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng tín dụng số: 44/2010/HĐ ngày 16/12/2010 gửi đến B Cà Mau và D ký hợp đồng nhận nợ nguyên tắc với V M.

Để được giải ngân, B Cà Mau yêu cầu công ty CV cung cấp các hợp đồng, chứng từ, hóa đơn chứng minh việc có mua cát, để thực hiện công trình. Do thực tế không có thực hiện Hợp đồng kinh tế số 10/2010/HĐ ngày 30/10/2010 nên D tiếp tục chỉ đạo Đỗ Lý D1, Lữ Ngọc Tr là kế toán, Nguyễn Hữu D2 là người lao động, Phạm Tuấn A là tài xế xe lập khống, ghi và ký khống các hợp đồng, hóa đơn, bảng kê, hợp thức hóa hồ sơ việc có mua cát của Cơ sở bán cát O - Cần Thơ do Nguyễn Hữu D2 làm chủ. Đồng thời, D2 mở tài khoản tại Ngân hàng C - Chi nhánh thành phố Cần Thơ để hợp thức hóa cho việc D trả tiền mua cát đen cho D2.

Ngày 24/12/2010, Phòng quan hệ khách hàng xác định hồ sơ đủ điều kiện giải ngân nên chuyển hồ sơ của công ty CV và Công văn số 780/TB-QHKH ngày 16/12/2010 đến Phòng Quản trị tín dụng để kiểm tra và đề xuất trước khi giải ngân. Cùng ngày ông Đoàn Văn X và bà Trần Bạch H là cán bộ và Trưởng phòng Quản trị tín dụng B Cà Mau trực tiếp kiểm tra hồ sơ, lập tờ trình duyệt giải ngân theo bảng kê rút vốn ngày 24/12/2010 của công ty CV, trình ông Tô Thanh Lê Nh là Giám đốc B Cà Mau phê duyệt giải ngân cho công ty CV 9.000.000.000 đồng.

Ngày 27/12/2010, B Cà Mau giải ngân 9.000.000.000 đồng cho công ty CV, thông qua tài khoản của Nguyễn Hữu D2 mở tại Ngân hàng C - Chi nhánh Cần Thơ theo yêu cầu của D với nội dung "Công ty trách nhiệm hữu hạn CV thanh toán tiền mua cát đen". Cùng ngày D chỉ đạo cho Lữ Ngọc Tr và Nguyễn

Hữu D2 đến Ngân hàng C - Chi nhánh Cà Mau rút hết số tiền 9.000.000.000 đồng để trả nợ. Chuyển vào tài khoản của bà Lâm Lệ Th (vợ bị cáo D) 3.357.000.000 đồng để trả cho bà Huỳnh Thị U (Doanh nghiệp tư nhân QH) và trả cho bà Lư Tuyết Ph (Chủ Tiệm vàng KM) 5.000.000.000 đồng; trừ chi phí giao dịch 1.100.000 đồng; số còn lại 641.900.000 đồng D dùng chi vào hoạt động của công ty CV.

Ngày 24/12/2011, đến hạn trả nợ nhưng D không thực hiện trả nợ, không có khả năng thanh toán nợ. Ngày 14/10/2013, B Cà Mau khởi kiện Trần Thanh D ra Tòa án nhân dân huyện C. Ngày 30/9/2014 Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm tại Bản án số 05/2014/KDTM-ST "Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B Cà Mau, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn CV trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B Cà Mau số tiền 13.135.640.082 đồng (Trong đó vốn 8.983.000.000 đồng, lãi 4.152.640.082 đồng) và buộc Ngân hàng V khu vực M liên đới trách nhiệm trả nợ". V M không thống nhất với bản án, nên ngày 24/10/2014 làm đơn kháng cáo, được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý.

Sau khi thụ lý vụ án phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thấy Trần Thanh D thực hiện hành vi gian dối, làm giấy tờ giả để vay chiếm đoạt tiền B Cà Mau. Ngày 22/7/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Cà Mau. Ngày 06/10/2015, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Cà Mau khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can Trần Thanh D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Ngày 16/11/2015, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Cà Mau tiến hành kê biên và tạm giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BG 195858 ngày 04/01/2012 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Trần Thanh D và Lâm Lệ Th, diện tích 1005m^2, tại ấp N, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11/12/2015, bà Lâm Lệ Th nộp tại Cơ quan cảnh sát điều tra 150.000.000 đồng, khắc phục hậu quả cho D.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2016/HSST ngày 23/6/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau tuyên bố các bị cáo Trần Thanh D, Đỗ Lý D1 và Nguyễn Hữu D2 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Thanh D có đơn kháng cáo kêu oan, các bị cáo Đỗ Lý D1, Nguyễn Hữu D2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 431/2017/HS - PT ngày 14/8/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy toàn bộ án sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2019/HSST ngày 10 tháng 12 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 38, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình

sự; Các Điều 584, 585, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D; điểm s, x khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D1; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D2.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thanh D, Đỗ Lý D1, Nguyễn Hữu D2 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt bị cáo Trần Thanh D 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 29/10/2015.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Lý D1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D2 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Thanh D liên đới cùng Công ty CV (nay là Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu CV) hoàn trả cho B Cà Mau số tiền là 5.512.593.875 đồng.

Buộc bà Lâm Lệ Th và bà Huỳnh Thị U liên đới trách nhiệm nộp lại số tiền 3.357.000.000 đồng để trả lại cho B Cà Mau. Số tiền bà Th và bà Út nộp lại được đối trừ vào số tiền mà bị cáo D và Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu CV phải có trách nhiệm hoàn trả và bồi thường cho B Cà Mau.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

B Cà Mau được nhận số tiền 150.000.000 đồng nộp khắc phục cho bị cáo Trần Thanh D trong quá trình điều tra tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau theo Biên lai thu tiền số 0000222 ngày 18/10/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý các vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 16/12/2019, bị cáo Đỗ Lý D1 và Nguyễn Hữu D2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 19/12/2019, bị cáo Trần Thanh D có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngân hàng TMCP B chi nhánh Cà Mau có đơn kháng cáo đề nghị xác định B Cà Mau không phải là bị hại trong vụ án; tuyên buộc Công ty CV phải trả lại cho B Cà Mau tổng cộng 21.751.232.375 đồng; trường hợp không thanh toán được thì đề nghị phát mãi các tài sản Trần Thanh D đã thế chấp cho B Cà Mau; nếu tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì buộc Ngân hàng V chi nhánh khu vực M thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định.

Ngày 20/12/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị U và bà Lâm Lệ Th có đơn kháng cáo đề nghị giải trừ trách nhiệm liên đới đối với số tiền 3.357.000.000 đồng phải trả lại cho B Cà Mau.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Thanh D, Đỗ Lý D1, Nguyễn Hữu D2, người bị hại Ngân hàng TMCP B chi nhánh Cà Mau và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị U và bà Lâm Lệ Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Thanh D, Đỗ Lý D1. Nguyễn Hữu D2 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xử phạt bị cáo D 14 năm tù, bị cáo D1 và D2 03 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Trong vụ án, B Cà Mau được xác định là người bị hại; cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải liên đới cùng Công ty CV hoàn trả cho B Cà Mau số tiền là 5.512.593.875 đồng; buộc bà Lâm Lệ Th và bà Huỳnh Thị U liên đới trách nhiệm nộp lại số tiền 3.357.000.000 đồng để trả lại cho B Cà Mau là đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị cáo Trần Thanh D trình bày: Bản án nhận định bị cáo lừa V M gây thiệt hại về tinh thần là không đúng, do V M tự làm hồ sơ cho bị cáo vay; đây là vụ án thuộc chương xâm phạm quyền sở hữu thì không có thiệt hại về tinh thần, V M cũng có văn bản xác định không có thiệt hại về vật chất. Bản án sơ thẩm xác định B Cà Mau và V M đều là bị hại trong vụ án là không đúng. V M và B Cà Mau là 02 ngân hàng có bộ phận tham mưu về việc cho vay nên việc cho vay hay không là quyền của ngân hàng chứ bị cáo không thể lừa đảo ngân hàng được. Bà Lư Tuyết Ph thừa nhận có nhận 02 tỷ đồng nhưng không thừa nhận có nhận 05 tỷ đồng. Như vậy số tiền 05 tỷ đồng này ai là người chịu trách nhiệm; nếu Lữ Ngọc Tr, Nguyễn Hữu D2 không chứng minh được ai nhận thì họ phải chịu trách nhiệm về số tiền này. Bản án sơ thẩm nhận định bị cáo lừa đảo chiếm đoạt số tiền 5 tỷ đồng này là không có căn cứ, trái pháp luật. Văn bản của Cục thuế xác định năm 2010 Công ty CV không nợ, có tài sản nên sơ thẩm xác định bị cáo làm ăn thua lỗ, nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền là không đúng. Công ty CV có thế chấp cho ngân hàng tài sản, có trả lãi, trả lãi phạt. Vụ án không có bị hại, không có thiệt hại về tài sản; đã được giải quyết bằng một vụ án kinh doanh thương mại nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Cà Mau lại hình sự hóa quan hệ dân sự này, khởi tố và xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án, tuyên bị cáo không có tội.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thanh D trình bày lập luận bào chữa cho bị cáo, tựu chung lại có các ý kiến chính như sau: Theo cả 2 quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đều xác định bị hại là V M và B Cà Mau. Cả V M và B Cà Mau đều xác định mình không có thiệt hại nên hành vi của bị cáo không đủ yếu tố để cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Biên bản làm việc của Công ty CV với ngân hàng đều xác định hồ sơ vay của Công ty CV đủ điều kiện được cho vay. Biên bản bảo lãnh của V phần kết luận thể hiện phương án sản xuất kinh doanh theo hợp đồng kinh tế số 10, là phương án về thức ăn thủy sản, nhưng Công ty CV không có phương án sản xuất kinh doanh thức ăn thủy sản. Như vậy, chính VBD M đã tự hướng dẫn và lập thủ tục cho CV vay nên không thể cho rằng bị cáo D có hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản. Bản chất vụ án là giao dịch dân sự, các cơ quan tiến hành tố tụng đã hình sự hóa quan hệ dân sự; V M và B Cà Mau không bị thiệt hại, bị cáo và Công ty CV đã đưa tài sản vào đảm bảo, vẫn đang thanh toán lãi cho ngân hàng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thanh D không phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tuyên trả tự do cho bị cáo.

Luật sư Ngô Đình Ch bào chữa cho bị cáo Đỗ Lý D1 trình bày: Bị cáo D1 có vai trò đồng phạm giúp sức. Bị cáo có làm hợp đồng số 10 năm 2011 nhưng hợp đồng này bị cáo D không sử dụng để làm phương án vay vốn. Bị cáo ký vào các hóa đơn và biên bản nghiệm thu, việc ký các văn bản này được thực hiện sau khi đã thành hình thủ tục vay và theo chỉ đạo của giám đốc là bị cáo D để hợp thức hóa thủ tục vay. Bị cáo D1 không nhận thức được việc làm này là trái pháp luật mà chỉ nghĩ là làm theo hướng dẫn của ngân hàng, bị cáo không hưởng lợi. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vợ bị cáo bị bệnh, có con nhỏ. các vụ án kinh tế mà các bị cáo có hành vi tương tự như bị cáo D1 ở tỉnh Cà Mau trong các năm gần đây đều được hưởng án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo D1 được hưởng án treo.

Luật sư Nguyễn Văn Tr bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu D2 trình bày: Ngày 18/12/2021, vợ bị cáo D2 đã sinh đôi 02 con, bị cáo là lao động chính trong gia đình, nuôi 3 con nhỏ, vợ mới sinh và cha mẹ già. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Người bảo vệ quyền và nghĩa vụ tố tụng của V M trình bày: các biên bản lấy lời khai của bị cáo D2, D1 và chị Trang, DNTN QH thể hiện rõ bị cáo D2 làm giả chủ doanh nghiệp; số tiền 9 tỷ đồng vay để thực hiện các hợp đồng kinh tế đều sử dụng hoàn toàn không đúng mục đích. Căn cứ Quyết định số 14 và Quyết định 60 của Ngân hàng nhà nước, nếu bên vay sử dụng tiền vay không đúng mục đích thì bên bảo lãnh không chịu trách nhiệm về những khoản bảo lãnh này. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của B Cà Mau trình bày: Bản án sơ thẩm chưa đề cập giá trị pháp lý của các chứng thư bảo lãnh, V M có phải chi trả các khoản bảo lãnh này cho B hay không chưa được đề cập. Do khoản vay của bị cáo D đã được V M bảo lãnh nên đề nghị Hội đồng xác định B Cà Mau không phải là

bị hại trong vụ án; tuyên buộc Công ty CV phải trả lại cho B Cà Mau tổng cộng 21.751.232.375 đồng; trường hợp không thanh toán được thì đề nghị phát mãi các tài sản Trần Thanh D đã thế chấp cho B Cà Mau; nếu tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì buộc Ngân hàng V chi nhánh khu vực M (V M) thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lâm Lệ Th trình bày:

Bị cáo D trước đây là khách hàng của V M, khi làm hồ sơ bảo lãnh cho bị cáo D, V M biết rõ tình trạng của doanh nghiệp và có sự hỗ trợ hồ sơ vay vốn từ phía ngân hàng. Trong quá trình này, các bên đều có sai sót nhưng bị cáo D đã mang nhiều tài sản thế chấp cho ngân hàng, giá trị các tài sản này vượt số tiền vay, như vậy dù có sai sót nhưng sai sót này đã được khắc phục. Bị cáo không phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Vì vậy, số tiền 3.357.000.000 đồng bà Th chuyển trả cho DNTN QH không phải là tang vật vụ án. Quá trình làm ăn, CV có vay của DNTN QH 5 tỷ đồng để giải chấp hồ sơ vay của CV với V M. Trong số tiền này, QH cũng như bà Th đã chuyển lại 150 triệu trong quá trình điều tra. Đề nghị Tòa Hội đồng xét xử xem xét. Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra tiến hành kê biên một số tài sản là tài sản chung của bị cáo D và bà Th là chưa đúng. Đề nghị chỉ kê biên 50% tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo D để đảm bảo đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Thanh D, Đỗ Lý D1, Nguyễn Hữu D2, người bị hại Ngân hàng TMCP B chi nhánh Cà Mau và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị U và bà Lâm Lệ Th đúng trong thời hạn quy định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bà Huỳnh Thị U và bà Lâm Lệ Th được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa phúc thẩm lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Huỳnh Thị U và bà Lâm Lệ Th.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Đỗ Lý D1 và Nguyễn Hữu D2 thể hiện:

Năm 2010, để Ngân hàng V chi nhánh khu vực M (viết tắt là V M) bảo lãnh và thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP B chi nhánh Cà Mau (viết tắt là B Cà Mau), Công ty TNHH CV do Trần Thanh D đại diện theo pháp luật đã lập Hợp đồng kinh tế số 10/2010/HĐ ngày 30/10/2010 và phương án kinh doanh khống, nội dung DNTN KL (do Tiêu Văn Đ đại diện) thuê Công ty CV khai thác cát đen tại Tiền Giang, giá trị 15.000.000.000 đồng. Thực tế, không có việc DNTN KL thuê Công ty CV khai thác cát; ông Tiêu Văn Đ là đại diện DNTN KL cũng không ký vào hợp đồng. Sau khi được V M cấp chứng thư bảo lãnh, Trần

Thanh D đại diện Công ty CV ký Hợp đồng tín dụng số 44/2010/HĐ vay của B Cà Mau 09 tỷ đồng, mục đích vay để thực hiện Hợp đồng số 10/2010/HĐ. Để được giải ngân tiền vay, D chỉ đạo các nhân viên lập hóa đơn, chứng từ hợp thức hóa việc mua cát của Cơ sở bán cát O – Cần Thơ (cơ sở này do Nguyễn Hữu D2 đứng tên), sau đó chuyển số tiền 09 tỷ đồng vào tài khoản của Nguyễn Hữu D2. Toàn bộ số tiền này, D2 rút về và giao lại cho D để sử dụng vào mục đích khác.

Xét lời khai của các bị cáo mặc dù còn có một số điểm mâu thuẫn nhưng cơ bản phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, vật chứng của vụ án, các kết luận giám định, đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Trần Thanh D, Đỗ Lý D1 và Nguyễn Hữu D2 có hành vi làm giả hợp đồng, phương án kinh doanh, hóa đơn chứng từ để nhận số tiền vay 09 tỷ đồng từ B Cà Mau; sau đó sử dụng không đúng mục đích vay và đến nay B Cà Mau chưa thu hồi được tiền vay. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.2] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Trần Thanh D:

Bị cáo Trần Thanh D thừa nhận việc lập các hợp đồng, phương án kinh doanh khống và hợp thức hóa đơn chứng từ như đã nêu tại mục [2.1], tuy nhiên bị cáo cho rằng việc lập các hồ sơ bảo lãnh và vay vốn này đều do nhân viên của V M thực hiện, không phải là bị cáo. Ngoài ra, bị cáo cho rằng cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng như B Cà Mau khẳng định không phải là bị hại, việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa B Cà Mau và bị cáo đang được giải quyết bằng vụ án dân sự, cơ quan điều tra không giám định tài chính, các bên không đối chiếu công nợ mà quy kết bị cáo chiếm đoạt là chưa đủ căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Công ty CV do bị cáo đại diện theo pháp luật đã lập khống Hợp đồng số 10/2010/HĐ và các phương án kinh doanh, hóa đơn, chứng từ quyết toán để được V M bảo lãnh và sau đó B Cà Mau cho vay tiền phục vụ phương án kinh doanh. Các tài liệu, chứng từ đều do chính bị cáo Trần Thanh D ký và được Công ty CV do bị cáo đại diện theo pháp luật đóng dấu. Các bị cáo Đỗ Lý D1, Nguyễn Hữu D2 và bà Lữ Ngọc Tr, ông Phạm Tuấn A là nhân viên của Trần Thanh D đều thừa nhận việc lập hồ sơ khống theo sự chỉ đạo của bị cáo. Thực tế, toàn bộ số tiền 09 tỷ đồng B giải ngân, bị cáo Nguyễn Hữu D2 đã rút ra và giao lại cho bị cáo D sử dụng, được bị cáo D thừa nhận. Bị cáo D cho rằng mình không lập khống hợp đồng và chứng từ liên quan là không có căn cứ.

Trong vụ án này, B Cà Mau là chủ thể thực tế giải ngân cho Công ty CV vay tiền dựa trên hợp đồng, chứng từ lập khống và hiện không thu hồi được nợ vay; hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra thiệt hại về tài sản cho B Cà Mau; chứng minh bằng việc B Cà Mau đã khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Công ty CV trả nợ vay cho B Cà Mau. Như vậy, B Cà Mau được xác định là bị hại trong

vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xác định người bị hại là B Cà Mau và V M, trong đó V M bị thiệt hại về uy tín là không đúng quy định pháp luật, vi phạm tố tụng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xác định B Cà Mau là chủ thể bị thiệt hại về vật chất, phần quyết định của bản án đã tuyên buộc bị cáo D bồi thường thiệt hại cho B Cà Mau là đúng quy định pháp luật. Việc xác định V M là bị hại có vi phạm tố tụng nhưng không làm thay đổi bản chất của vụ án, do đó, Hội đồng xét xử chỉ điều chỉnh lại tư cách tham gia tố tụng của V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cho phù hợp quy định pháp luật; không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm vì lý do này.

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thanh D và đồng phạm đã hoàn thành kể từ thời điểm B Cà Mau giải ngân số tiền 09 tỷ đồng; do đó, bị cáo D cho rằng sau khi bị phát giác hành vi làm giả hợp đồng, chứng từ bị cáo đã đưa tài sản vào thế chấp cho B Cà Mau; khoản vay đã được bảo đảm nên đây chỉ là giao dịch dân sự là không có cơ sở chấp nhận. Việc giải quyết hậu quả của vụ án dân sự Tòa án nhân dân huyện C và Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã thụ lý được thực hiện theo quy định pháp luật; không ảnh hưởng đến việc định tội danh đối với các bị cáo.

Các bị cáo và người bị hại đều xác định số tiền được giải ngân dựa trên hợp đồng, phương án kinh doanh giả là 09 tỷ đồng; các bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số tiền chiếm đoạt nêu trên. Về đối chiếu công nợ, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện rõ sau khi được giải ngân 09 tỷ tiền vay; tổng cộng khoản tiền mà bị cáo D và vợ bị cáo đã trả cho B Cà Mau là 3.487.406.125 đồng, được các bên xác nhận đúng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho B Cà Mau số tiền 5.512.593.895 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó, không cần thiết phải giám định tài chính, đối chiếu công nợ mới có cơ sở buộc tội bị cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Trần Thanh D lừa đảo chiếm đoạt của B Cà Mau 09 tỷ đồng và xử phạt bị cáo 14 năm tù là có cơ sở, đúng người, đúng tội; kháng cáo kêu oan của bị cáo D không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đỗ Lý D1, Nguyễn Hữu D2:

Các bị cáo bị truy tố, xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm tù hoặc tù chung thân. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo là người làm công, tham gia với vai trò giúp sức cho bị cáo D mà không hưởng lợi, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, gia đình có công với cách mạng; từ đó xử phạt mỗi bị cáo 03 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[2.4] Xét kháng cáo của Ngân hàng TMCP B chi nhánh Cà Mau:

B Cà Mau được xác định là bị hại, bị các bị cáo chiếm đoạt số tiền 09 tỷ đồng như đã phân tích tại mục [2.2]. Trừ đi số tiền bị cáo D đã trả và tiền khắc phục trong quá trình điều tra, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo D liên đới với Công ty CV bồi thường cho B Cà Mau số tiền còn lại 5.512.593.895 đồng là đúng quy định pháp luật. B Cà Mau kháng cáo cho rằng mình không phải là bị hại và buộc tính lãi đối với số tiền các bị cáo chiếm đoạt là không có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Xét kháng cáo của bà Lâm Lệ Th và bà Huỳnh Thị U:

Quá trình điều tra, xét xử bị cáo Trần Thanh D, bà Lâm Lệ Th đều thừa nhận sau khi được B giải ngân số tiền 9 tỷ đồng, D đã chỉ đạo bà Lữ Ngọc Tr – kế toán Công ty CV chuyển vào tài khoản bà Lâm Lệ Th 3.357.000.000 đồng để chuyển trả nợ cho DNTN QH (do bà Huỳnh Thị U làm chủ). Đây là khoản tiền do phạm tội mà có nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Lâm Lệ Th và bà Huỳnh Thị U phải liên đới trả lại cho B Cà Mau là đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Lệ Th và bà Huỳnh Thị U về nội dung này.

Đối với kháng cáo của bà Th về việc xem xét Lệnh kê biên số 04/PC44 ngày 16/11/2015 thấy rằng cơ quan tiến hành tố tụng sơ thẩm kê biên tài sản để đảm bảo nghĩa vụ của bị cáo D trong vụ án là đúng quy định pháp luật. Nội dung kháng cáo này của bà Th không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Lời bào chữa của các bị cáo, lời trình bày của các đương sự không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Trong quá trình tố tụng, bị cáo Trần Thanh D xác định hồ sơ vay vốn khống do cán bộ Ngân hàng V chi nhánh Ngân hàng V khu vực M thực hiện giúp bị cáo; cũng như có sự giúp sức của cán bộ Ngân hàng TMCP B chi nhánh Cà Mau trong việc giải ngân vốn vay tại Ngân hàng TMCP B chi nhánh Cà Mau. Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Cà Mau tiếp tục điều tra, làm rõ trách nhiệm của các cán bộ ngân hàng có liên quan đối với sự việc trên.

[5] Án phí phúc thẩm: Các bị cáo Trần Thanh D, Đỗ Lý D1, Nguyễn Hữu D2, bà Lâm Lệ Th và bà Huỳnh Thị U phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thanh D, Đỗ Lý D1, Nguyễn Hữu D2, người bị hại Ngân hàng TMCP B chi nhánh Cà Mau, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Lệ Th và bà Huỳnh Thị U.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2019/HS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 38, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Các Điều 584, 585, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D; điểm s, x khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D1; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D2.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thanh D, Đỗ Lý D1, Nguyễn Hữu D2 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt bị cáo Trần Thanh D 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 29/10/2015. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Lý D1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D2 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Thanh D liên đới cùng Công ty CV (nay là Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu CV) hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B chi nhánh Cà Mau (B Cà Mau) số tiền là 5.512.593.875 đồng.

Buộc bà Lâm Lệ Th và bà Huỳnh Thị U liên đới trách nhiệm nộp lại số tiền 3.357.000.000 đồng để trả lại cho Ngân hàng TMCP B chi nhánh Cà Mau (B Cà Mau). Số tiền bà Lâm Lệ Th và bà Huỳnh Thị U nộp lại được đối trừ vào số tiền mà bị cáo Trần Thanh D và Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu CV phải có trách nhiệm hoàn trả và bồi thường cho Ngân hàng TMCP B chi nhánh Cà Mau (B Cà Mau).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngân hàng TMCP B chi nhánh Cà Mau (B Cà Mau) được nhận số tiền 150.000.000 đồng nộp khắc phục cho bị cáo Trần Thanh D trong quá trình điều

tra tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau theo Biên lai thu tiền số 0000222 ngày 18/10/2019.

3/. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Án phí phúc thẩm:

Các bị cáo Trần Thanh D, Đỗ Lý D1, Nguyễn Hữu D2 mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bà Lâm Lệ Th và bà Huỳnh Thị U mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Văn Công **Nguyễn Hữu Ba** **Hoàng Thanh Dũng**